

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **141/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-11-2017.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13-10-2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Đức V**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: 129/51/12 đường số 2, phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Bùi Hồng Đ**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 14 đường số 6, khu dân cư Gia Hòa, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 4 năm 2017, bản tự khai nguyên đơn bà Đinh Đức V trình bày:

Bà Đinh Đức V và ông Bùi Hồng Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có Đ ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 228-Quyển số 02/2014 do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2014.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên từ đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và cả hai đã sống ly thân khoảng gần một năm nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau và đã từ lâu cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Đinh Đức V khai không có con chung với ông ông Bùi Hồng Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Đức V khai bà và ông Bùi Hồng Đ không có tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Bùi Hồng Đ vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đinh Đức V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đinh Đức V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Hồng Đ. Ông Bùi Hồng Đ có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Bùi Hồng Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra

xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Bùi Hồng Đ vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Đinh Đức V: Ngày 06/11/2017 bà Đinh Đức V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228 Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Đinh Đức V.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02 ngày 08/12/2014 do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Đức V và ông Bùi Hồng Đ là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Đức V xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc, liên hệ với nhau từ lâu. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Đinh Đức V và ông Bùi Hồng Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà V yêu cầu ly hôn với ông Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Đức V.

Về con chung: Bà Đinh Đức V khai không có con chung với ông Bùi Hồng Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Đức V xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ông Bùi Hồng Đ vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà V. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà V, trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3]Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bà Đinh Đức V phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Đức V đối với ông Bùi Hồng Đ.

Bà Đinh Đức V được ly hôn với ông Bùi Hồng Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Đức V và ông Bùi Hồng Đ chấm dứt cũng như giấy chứng nhận Đ ký kết hôn số 228, quyển số 02 ngày 08/12/2014 do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Đức V xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đinh Đức V chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033258 ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Đức V, ông Bùi Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ
Chí Minh .
- UBND phường 16, quận Gò Vấp.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Vũ Ngọc Chiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Ngọc Chiến**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Đức V**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: 129/51/12 đường số 2, phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Bùi Hồng Đ**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 14 đường số 6, khu dân cư Gia Hòa, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: /3

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Đức V đối với ông Bùi Hồng Đ.

Bà Đinh Đức V được ly hôn với ông Bùi Hồng Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Đức V và ông Bùi Hồng Đ chấm dứt cũng như giấy chứng nhận Đ ký kết hôn số 228, quyển số 02 ngày 08/12/2014 do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Đức V xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đinh Đức V chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033258 ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Đức V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: /3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa